

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

Số: 1189/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đặt số hiệu đường tỉnh, tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại tờ trình số: 263/TTr-SGTVT ngày 09 tháng 3 năm 2014 về việc đặt số hiệu đường tỉnh, tỉnh Hà Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đặt số hiệu đường tỉnh, tỉnh Hà Giang, gồm 06 tuyến sau: ĐT.176; ĐT.176B; ĐT.177; ĐT.178; ĐT.182; ĐT.183. Tổng chiều dài 363Km (số hiệu từng tuyến theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Sở Giao thông vận tải tổ chức quản lý, bảo trì các tuyến đường được đặt số hiệu tại Điều 1 và hướng dẫn các huyện/thành phố quản lý, bảo trì các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường xã.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 25 tháng 01 năm 2002 của UBND tỉnh về việc phê duyệt số hiệu các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Chánh Văn phòng Ủy Ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Chủ tịch, PCT Thường trực UBND tỉnh;
- Lưu VT, CV.



CHỦ TỊCH

Đám Văn Bông



PHỤ LỤC SỐ HIỆU CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH, TỈNH HÀ GIANG

theo Quyết định số: 1189/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh Hà Giang

STT	Số hiệu	Chiều dài (km)	Loại đường	Điểm đầu (lý trình điểm giao và địa danh)	Điểm cuối	Đơn vị quản lý	Đi qua địa bàn
1	ĐT.176	47,0	VI	Km100, QL.4C (thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh)	Km166, QL.4C (Thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc)	Sở GTVT Hà Giang	Huyện Yên Minh, Đồng Văn, M Vạc
2	ĐT.177	99,0	VI	Km245, QL.2 (thị trấn Tân Quang, huyện Bắc Quang)	thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần	Sở GTVT Hà Giang	Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín M
3	ĐT.178	63,0	VI	Km23+600, QL.279, (thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình)	thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần	Sở GTVT Hà Giang	Quang Bình, Xín Mần
4	ĐT.176B	73,0	VI	Km32, QL.34 (Minh Ngọc, Bắc Mê)	Mậu Duệ, huyện Yên Minh	Sở GTVT Hà Giang	Bắc Mê, Yên Minh
5	ĐT.182	29,0	Cấp V + Loại A GTNT	Km60, QL.34, xã Yên Phú, Bắc Mê	Giáp địa giới huyện Na Hang, Tuyên Quang	Sở GTVT Hà Giang	Bắc Mê
6	ĐT.183	52,0	IV + VI	Km210, QL.2 (T.Tr Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang)	Thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình	Sở GTVT Hà Giang	Bắc Quang, Quang Bình
Tổng:		363,0					